

Bản án số: 491/2022/DS-ST
Ngày: 19/9/2022
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Xuân Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Sơn
2. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cử Chi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên Tòa: Ông Đào Văn Tiên- Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 11/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 400/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 477/2022/QĐST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2022 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Hoàng N, sinh năm 1991; Địa chỉ: Số 107, đường T, ấp 3, xã Hòa P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số 14A, đường 246, tổ 01, ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 30/11/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày nội dung yêu cầu khởi kiện như sau:

Do ông với ông H có mối quan hệ quen biết, ông H thường xuyên ghé quán uống cà phê (quán cà phê do ông làm chủ). Ngày 06/10/2020, tại Văn phòng Công chứng Hồ Nhật Tú Trinh (Địa chỉ: Số 119, đường tỉnh lộ 8, ấp 1A, xã T, huyện C), giữa ông và ông Nguyễn Minh H có ký hợp đồng “Công chứng vay tiền” để thỏa thuận: Ông cho ông Nguyễn Minh H vay số tiền 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng) để ông H sử dụng vào mục đích kinh doanh; thời hạn cho vay khoản tiền nói trên là kể từ ngày hợp đồng công chứng đến ngày 15/11/2020; thỏa thuận không có lãi suất.

Sau khi ký hợp đồng công chứng, ông giao cho ông H 02 lần tiền. Lần thứ nhất là vào chiều ngày 06/10/2020 (sau khi ký hợp đồng công chứng), tại quán cà phê Tự Nhiên của ông làm chủ (ấp T, xã T, huyện C), ông giao cho ông H số tiền 30.000.000đ. Lúc này, ông là người viết giấy nhận tiền, có nhân viên của ông là bà Phạm Thị T làm chứng (hiện ông nghỉ bán cà phê nên nhân viên của ông cũng đã nghỉ việc, hiện đang ở đâu ông cũng không biết). Sau khi ông viết giấy nhận tiền thì ông H viết chữ “ĐÃ NHẬN ĐỢT I” và ký tên “H”. Lần thứ hai là vào chiều ngày 14/10/2020, cũng tại quán cà phê của ông, ông đã giao ông H số tiền 130.000.000đ, ông H viết chữ “ĐÃ NHẬN ĐỢT II” và ký tên “H”. Việc giao tiền này chỉ có ông với ông H, không có người làm chứng.

Ông xác định lúc viết nội dung giấy nhận tiền vào ngày 06/10/2020, ông viết luôn nội dung “*đợt 2 giao 130.000.000 đồngvào ngày 14/10/2020...*” nhưng ông H chưa viết nội dung “ĐÃ NHẬN ĐỢT II”; đến ngày 14/10/2020, ông giao 130.000.000đ cho ông H thì ông H mới viết nội dung “ĐÃ NHẬN ĐỢT II” và ký tên “H”.

Ông H đã nhận của ông số tiền vay là 160.000.000đ, từ lúc mượn tiền cho đến nay phía ông H không trả cho ông bất kỳ khoản nợ nào. Ông đã nhiều lần yêu cầu ông H trả lại số tiền 160.000.000đ nhưng ông H cố tình không trả mà còn thách thức ông thưa kiện. Nay ông khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Củ Chi đề yêu cầu ông H trả cho ông số tiền vay là 160.000.000đ, ông không yêu cầu trả lãi.

Các tài liệu chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp tại Tòa để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình bao gồm: Đơn khởi kiện; Bản tự khai; Chứng minh nhân dân+ Sổ hộ khẩu (sao y) của nguyên đơn; Giấy nhận tiền ngày 06/10/2020; Hợp đồng vay tiền số công chứng 0010152 ngày 06/10/2020 tại Văn phòng Công chứng Hồ Nhật Tú Trinh.

Bị đơn ông Nguyễn Minh H theo nội dung các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Ông thừa nhận vào ngày 06/10/2020, tại Văn phòng Công chứng Hồ Nhật Tú Trinh giữa ông và ông N có ký hợp đồng “Công chứng vay tiền” để thỏa thuận: Ông N cho ông vay số tiền 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng); thời hạn cho vay khoản tiền nói trên là kể từ ngày hợp đồng công chứng đến ngày 15/11/2020; thỏa thuận không có lãi suất. Ông xác định chỉ nhận số tiền 30.000.000đ. Lý do ông ký tên nhận tiền vào đợt 2 luôn vào ngày 06/10/2020 và ký hợp đồng công chứng vay số tiền 160.000.000đ tại văn phòng công chứng là có lý do: Ông N nhờ ông xin việc làm, ông N đưa giấy tờ tùy thân, bằng cấp cho ông để xin việc, ông N sợ bị mất tiền nên yêu cầu ông ký giấy vay tiền làm tin. Ông N chỉ đưa cho ông số tiền 30.000.000đ và hứa khi nào xin được việc sẽ chuyển bằng thẻ cho ông số tiền 130.000.000đ còn lại.

Sau khi ký hợp đồng công chứng trên, ông N yêu cầu về quán cà phê của ông N, ông N viết 01 giấy tay kêu ông ký tên và nói chiều cùng ngày sẽ đưa ông trước 30.000.000đ, khi nhận được việc làm sẽ đưa số tiền còn lại, thì ông đồng ý. Sau đó, ông chạy việc cho ông N không thành, không xin việc được nên ông hoàn trả lại cho ông N số tiền 30.000.000đ nhưng ông N không chấp nhận mà yêu cầu ông trả đủ số tiền 160.000.000đ.

Ông thừa nhận vào chiều ngày 06/10/2020 (sau khi ký hợp đồng công chứng), tại quán cà phê Tự Nhiên của ông Nam (tại ấp T, xã T, huyện C), ông có ký tên vào giấy nhận tiền “ĐÃ NHẬN ĐỢT I”, “ĐÃ NHẬN ĐỢT II”, ký tên “H” và ký tên, ghi họ tên, ghi đã đọc hiểu rõ đồng ý và lãn tay (theo yêu cầu của ông Nam). Ông đã ký nhận đợt 1 và đợt 2 vào cùng 01 thời điểm chứ không như phía ông N trình bày là đợt 2 ông ký sau và nhận tiền 130.000.000đ.

Vào chiều ngày 06/10/2020, ông N chỉ đưa cho ông số tiền 20.000.000đ, sau khi ông ký giấy nhận tiền, lúc đưa ông 20.000.000đ có T là nhân viên của N làm chứng. Sau đó, cách 01 tuần sau vào lúc trưa, ông Nam đưa thêm cho ông 10.000.000đ (ở trong quán của N có nhiều người nhưng không nhớ rõ ai với ai). Do đó, ông thừa nhận có nhận của N số tiền 30.000.000đ và không nhận số tiền 130.000.000đ (đợt 2) như ông N trình bày.

Các tài liệu chứng cứ mà bà ông H cung cấp tại Tòa để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình bao gồm: Bản tự khai, Chứng minh nhân dân của ông H; Quyết định xuất ngũ, Quyết định kết nạp đảng và Bằng tốt nghiệp Đại học (của ông N).

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên Tòa: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, tại phiên tòa, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi kiến nghị Tòa án khắc phục vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi phát biểu: Căn cứ Giấy nhận tiền đề ngày 06/10/2020 thể hiện ông N đã giao cho ông H tổng số tiền 160.000.000đ vào ngày 06/10/2020 và ngày 14/10/2020. Ông H cũng thừa nhận ông đã ký tên và ghi chữ “ĐÃ NHẬN ĐỢT I”, “ĐÃ NHẬN ĐỢT II” vào giấy mượn tiền. Ông H trình bày thực tế ông nhận tiền 02 đợt nhưng tổng cộng chỉ có 30.000.000đ. Tuy nhiên, ông H chỉ đưa ra lời trình bày, không xuất trình được chứng cứ chứng minh, do đó, lời trình bày của ông H không có cơ sở chấp nhận.

Xét thấy ông H có ký kết hợp đồng vay tiền và đã nhận đủ tiền từ ông N nhưng lại không trả tiền khi hợp đồng đến hạn là vi phạm nghĩa vụ đã cam kết. Do đó, yêu cầu của ông N buộc ông H phải hoàn trả số tiền 160.000.000đ là có cơ sở chấp nhận; Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 466 Bộ luật dân sự 2015; Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần buộc ông H có trách nhiệm trả cho ông N số tiền 160.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ

điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn ông Nguyễn Minh H có nơi cư trú tại xã Trung An, huyện Củ Chi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Minh H đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Hoàng N khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Minh H trả số tiền nợ gốc là 160.000.000đ, yêu cầu thi hành số tiền trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do các bên cung cấp và lời thừa nhận, trình bày của các bên trong quá trình tố tụng, có cơ sở xác định: Vào ngày 06/10/2020, tại Văn phòng Công chứng Hồ Nhật Tú Trinh, ông N và ông H đã ký hợp đồng “Công chứng vay tiền” để thỏa thuận: Ông N cho ông H vay số tiền 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng) để ông H sử dụng vào mục đích kinh doanh; thời hạn cho vay khoản tiền nói trên là kể từ ngày hợp đồng công chứng đến ngày 15/11/2020; hai bên thỏa thuận không có lãi suất.

Sau khi ký hợp đồng công chứng, ông N đã giao cho ông H 02 lần tiền. Lần thứ nhất là vào chiều ngày 06/10/2020 (sau khi ký hợp đồng công chứng), tại quán cà phê Tự Nhiên của ông N làm chủ, ông N đã giao cho ông H số tiền 30.000.000đ. Lần thứ hai là vào chiều ngày 14/10/2020, cũng tại quán cà phê của ông N, ông N đã giao ông H số tiền 130.000.000đ. Ông N là người viết giấy nhận tiền, nhưng cả 02 lần giao tiền trên, ông H là người viết chữ “ĐÃ NHẬN ĐỢT I”, “ĐÃ NHẬN ĐỢT II” và ký tên “H”.

Trong quá trình tố tụng, ông H thừa nhận vào ngày 06/10/2020, tại Văn phòng Công chứng Hồ Nhật Tú Trinh giữa ông và ông N có ký hợp đồng “Công chứng vay tiền” để thỏa thuận các nội dung như trong hợp đồng là đúng. Ông H cũng thừa nhận có viết chữ “ĐÃ NHẬN ĐỢT I”, “ĐÃ NHẬN ĐỢT II” và ký tên “H” trong giấy nhận tiền mà ông N cung cấp. Tuy nhiên, ông H xác định chỉ nhận số tiền 30.000.000đ từ ông N. Ông H nêu lý do ký hợp đồng công chứng và ký tên nhận tiền vào đợt 1, đợt 2 là do ông N nhờ ông xin việc làm, ông N đưa giấy tờ tùy thân, bằng cấp cho ông để xin việc, ông N sợ bị mất tiền nên yêu cầu ông ký giấy vay tiền làm tin. Ông N chỉ đưa cho ông số tiền 30.000.000đ và hứa khi nào xin được việc sẽ giao tiếp cho ông số tiền 130.000.000đ còn lại.

Xét thấy, việc ông H cho rằng có ký hợp đồng “Công chứng vay tiền” tại Văn phòng Công chứng Hồ Nhật Tú Trinh vào ngày 06/10/2020 và có ký giấy nhận tiền 02 đợt với tổng số tiền là 160.000.000đ của ông N nhưng chỉ nhận từ ông N số tiền 30.000.000đ là không có cơ sở chấp nhận.

Xét thấy ông H đã ký nhận đủ số tiền vay từ ông N là 160.000.000đ (đợt 1 ngày 06/10/2020 là 30.000.000đ, đợt 1 ngày 14/10/2020 là 130.000.000đ). Từ lúc vay tiền đến nay phía ông H chưa trả cho ông N bất kỳ khoản tiền nào. Ông N đã nhiều lần yêu cầu ông H trả lại số tiền 160.000.000đ nhưng ông H không chịu trả.

Việc ông H có vay của nguyên đơn số tiền 160.000.000đ, đã quá thời hạn trả nợ mà không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả là đã xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Tòa án đã triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông H vắng mặt tại phiên tòa.

Xét thấy, tại phiên nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu trả tiền nợ gốc 160.000.000đ, không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi; xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2] Từ những phân tích trên, căn cứ vào Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015; Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận; cần buộc ông H có trách nhiệm trả cho ông N số tiền 160.000.000đ.

Ông H phải trả tiền lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

[3] Về phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên Tòa về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi kiến nghị Tòa án khắc phục vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, là phù hợp; Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về nội dung vụ án, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Xét thấy, đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[4] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn có nghĩa vụ phải chịu tiền án phí theo quy định tại: Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Căn cứ Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Hoàng N về việc yêu cầu ông Nguyễn Minh H trả số tiền nợ là 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng).

Buộc ông Nguyễn Minh H có trách nhiệm trả cho ông Lê Hoàng N số tiền 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng), thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông H có trách nhiệm trả lãi cho ông N, với mức lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả, kể từ ngày ông Nam có đơn yêu cầu thi hành án.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 8.000.000đ (tám triệu đồng) buộc ông Nguyễn Minh H phải nộp.

Hoàn tạm nộp án phí dân sự sơ thẩm ông Lê Hoàng N số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng) theo biên lai thu số 0085431 ngày 31/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Củ Chi;
- CCTHADS huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Xuân Lan